

Ngày 30/06/2025	9,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	14.8%	14.8%	17.7%

DT thuần Q2/25
93.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.2 17.8%
YoY: ▲ 9.90 11.8%

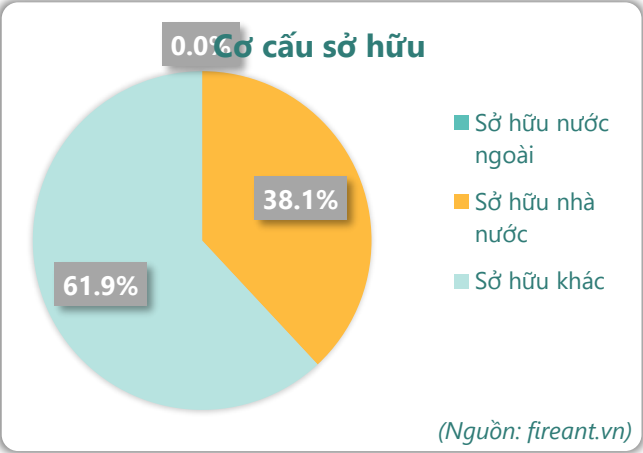
LN thuần Q2/25
1.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.12 12.6%
YoY: ▲ 0.73 234%

LN sau thuế Q2/25
0.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.40 -48.2%
YoY: ▲ 0.15 53.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
2.8%
YoY: +/-▼ 0.5%

ROE (TTM) Q2/25
0.8%
YoY: +/-▲ 0.0%

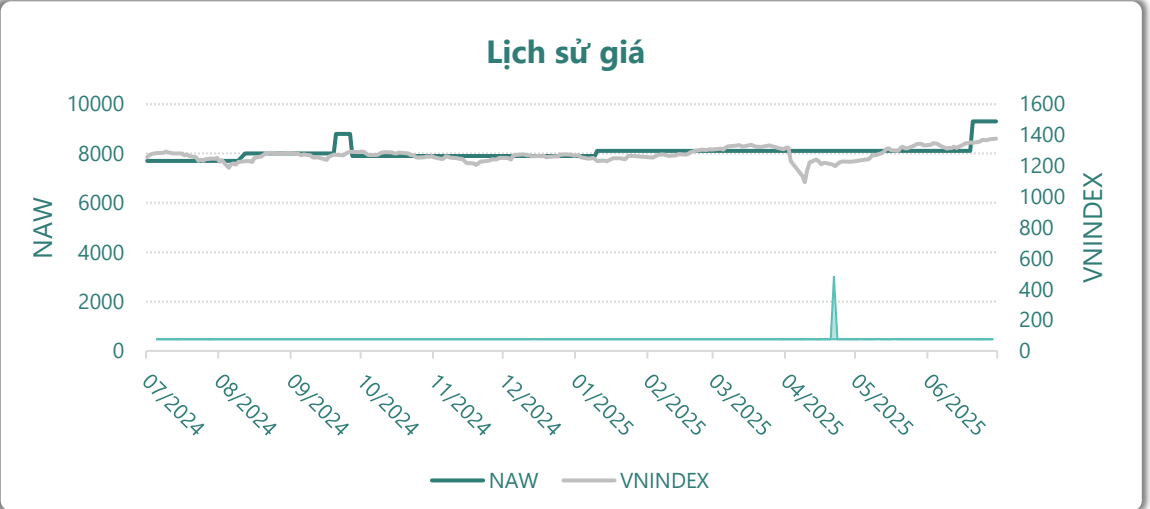
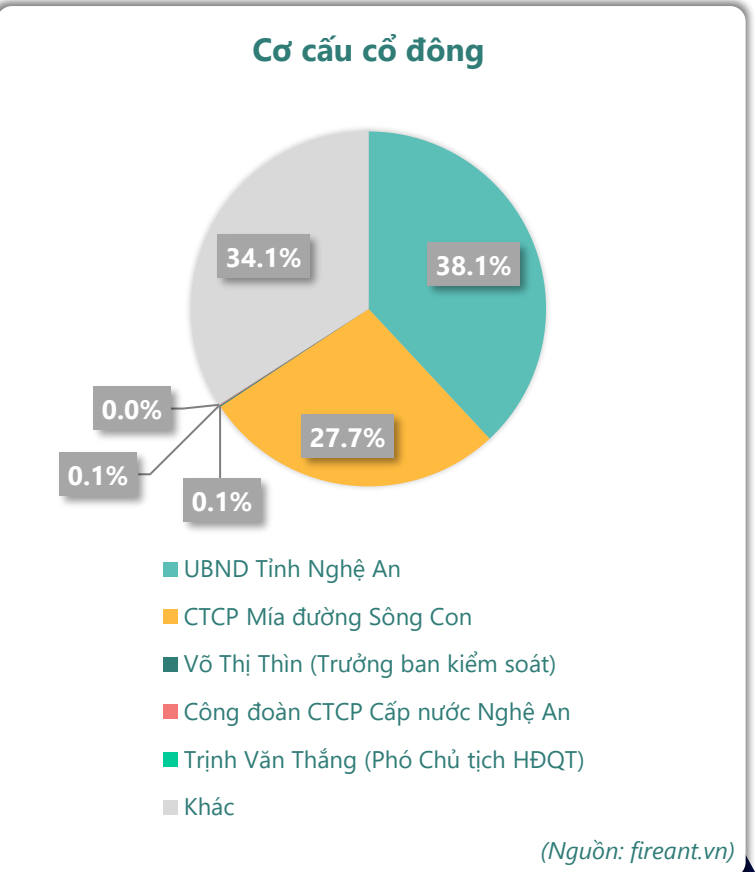
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,700 - 9,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	348
Số lượng CPLH (CP)	37,385,983
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.00
EPS	83
P/E	112.7



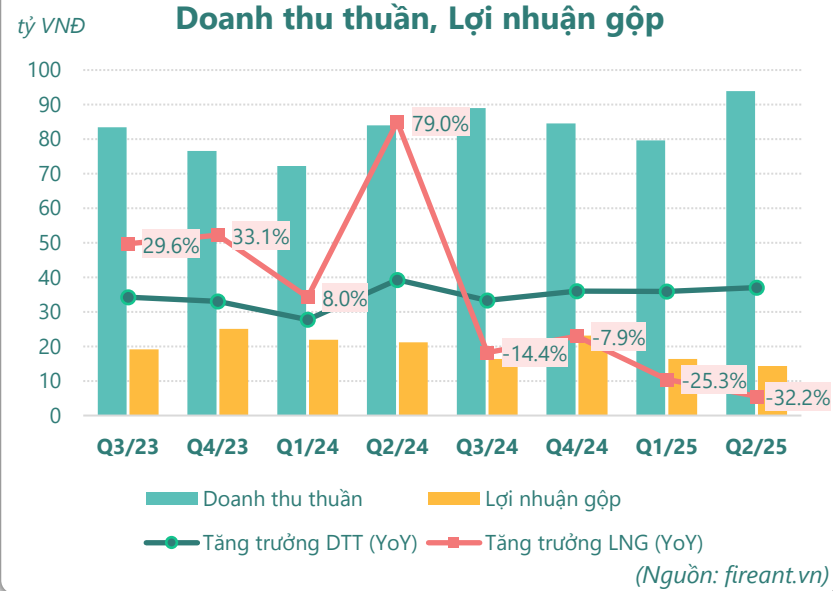
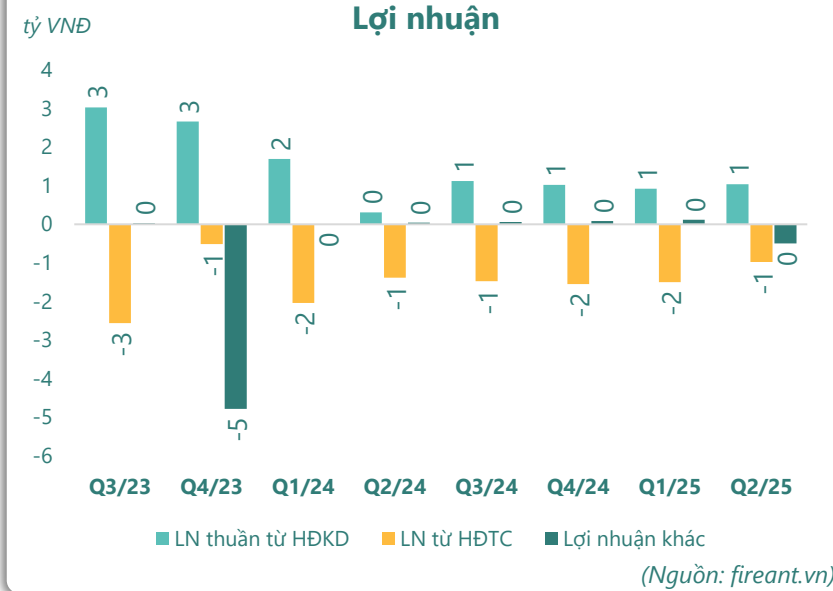
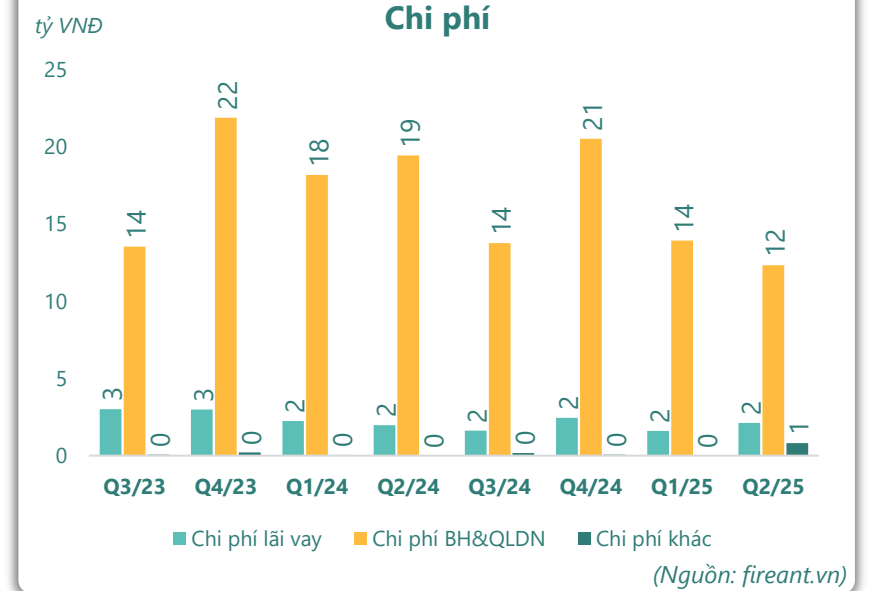
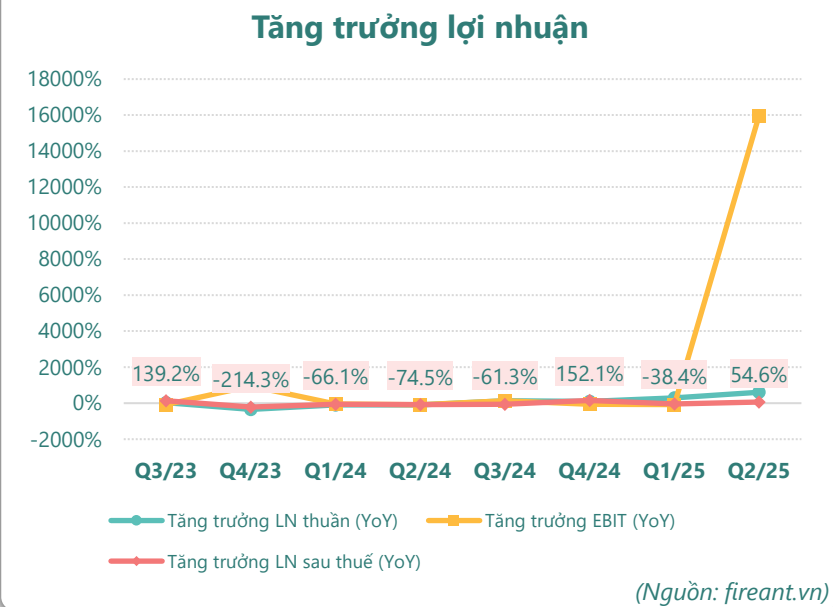
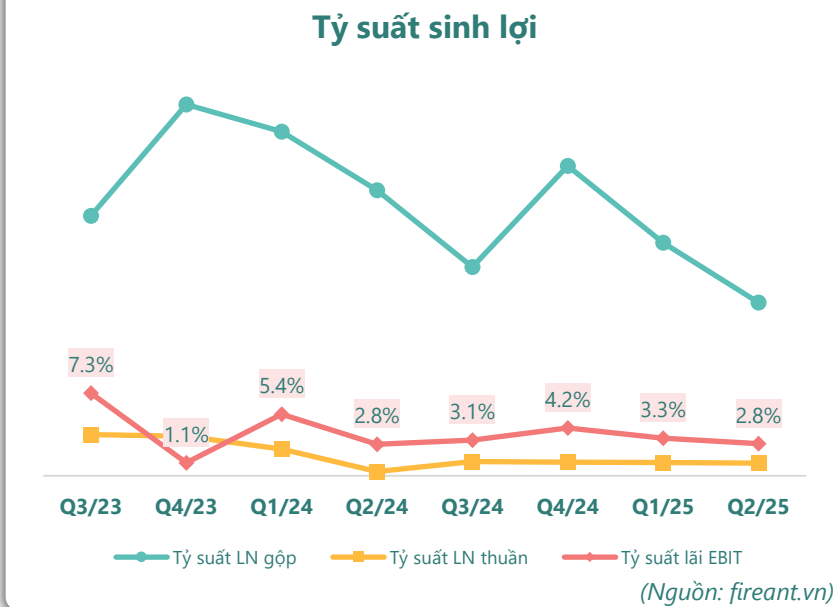
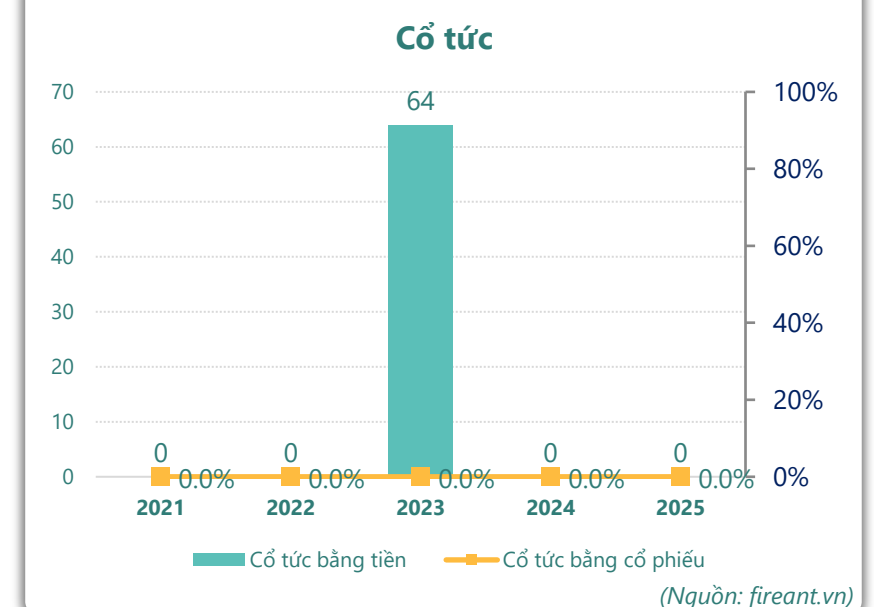
DT thuần 6T 2025
174
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.0 11.1%

LN thuần 6T 2025
1.96
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.04 -2.4%

LN sau thuế 6T 2025
1.26
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.37 -22.5%



KẾT QUẢ KINH DOANH

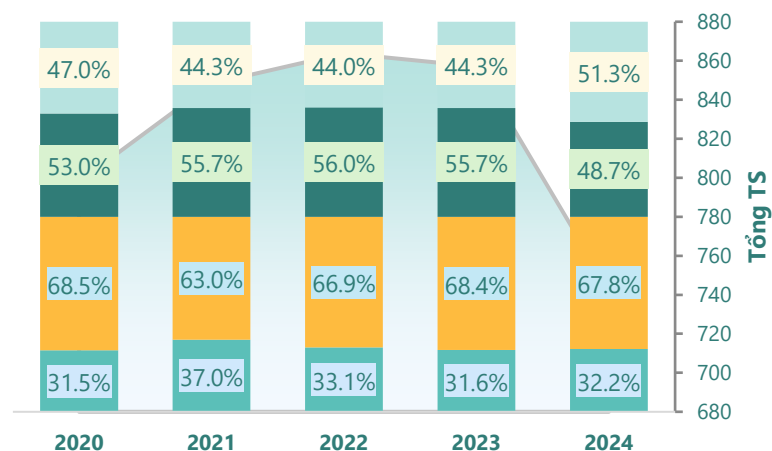




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

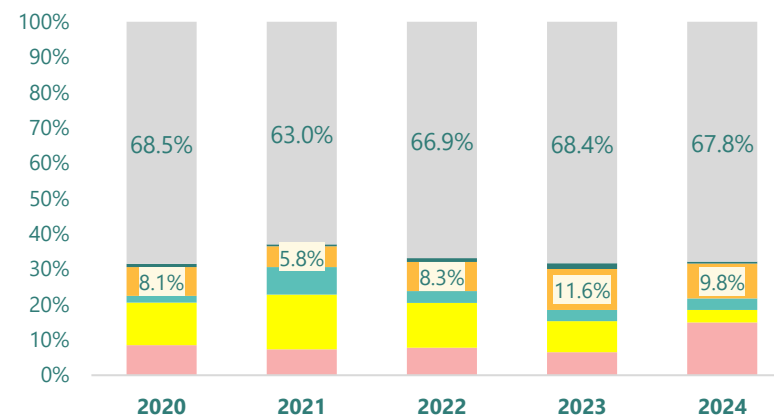
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH
(Nguồn: fireant.vn)

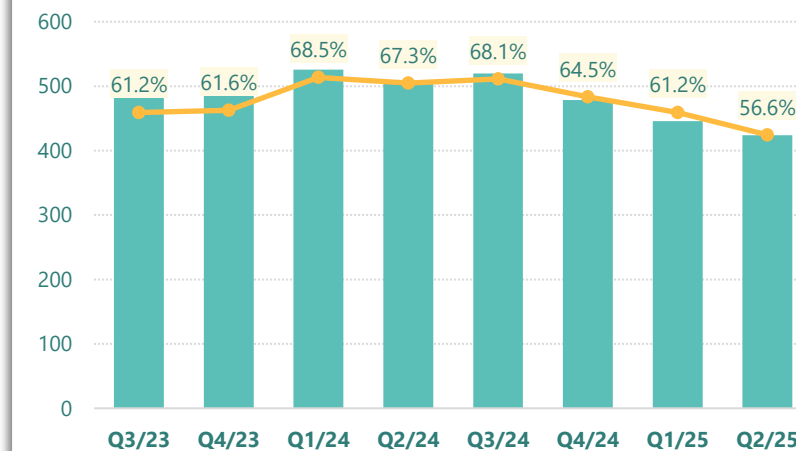
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

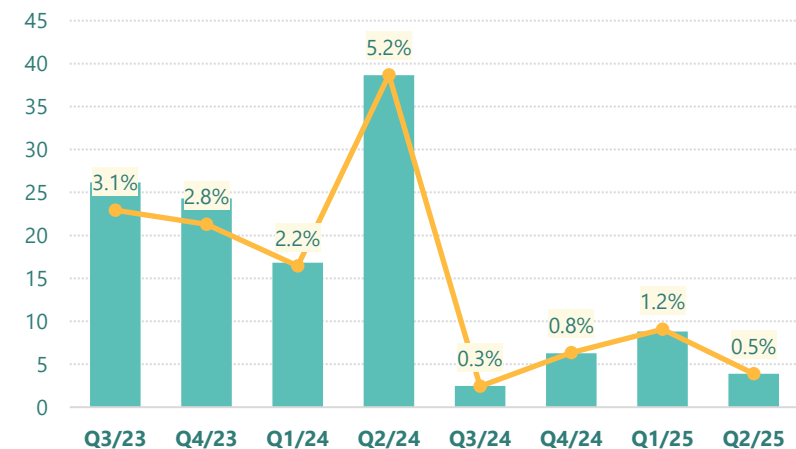
tỷ VNĐ



■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

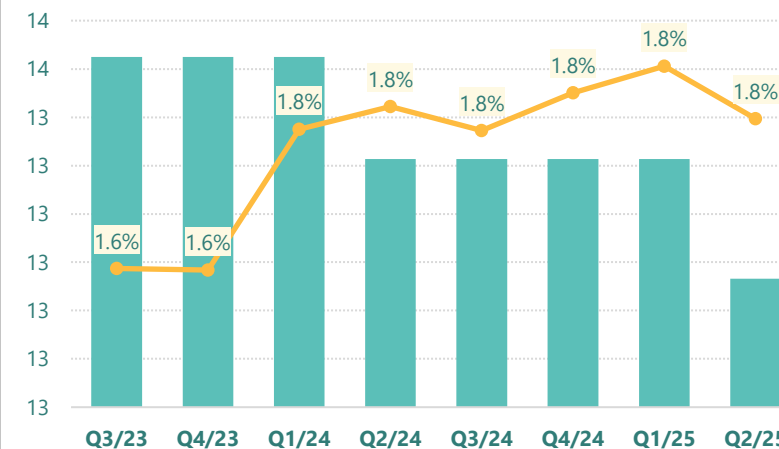
tỷ VNĐ



■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

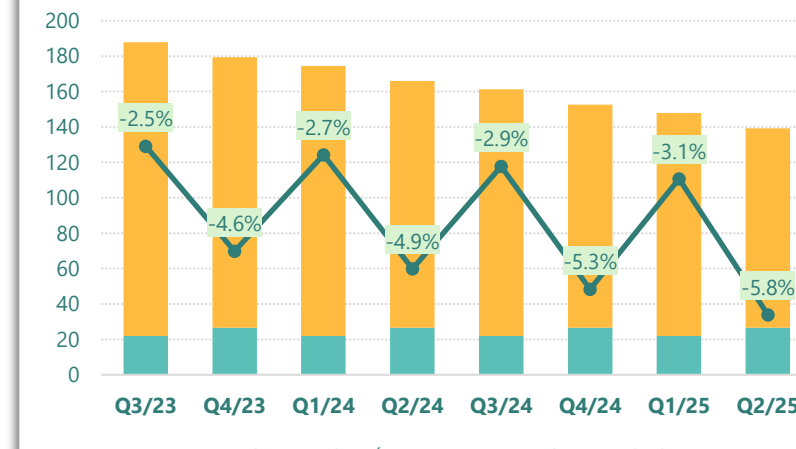
tỷ VNĐ



■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



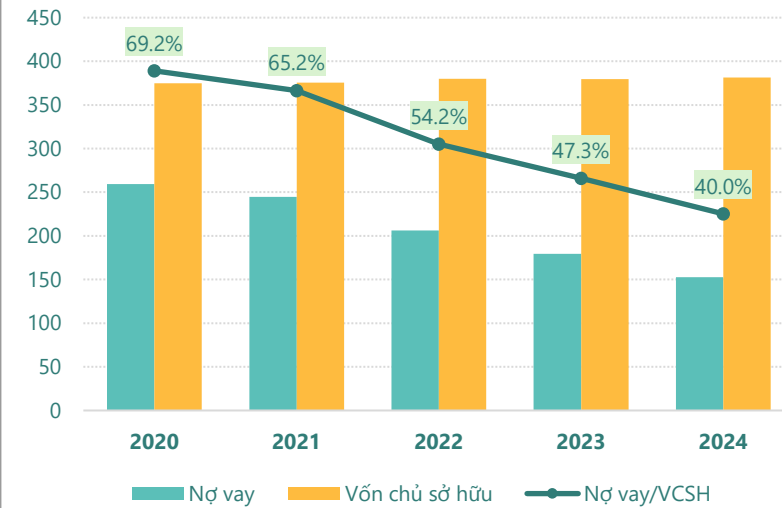
■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn — Tăng trưởng nợ vay
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

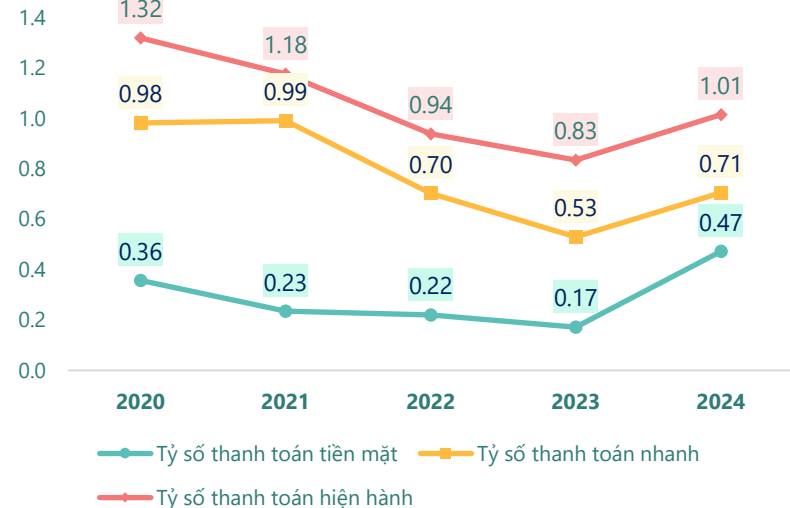
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



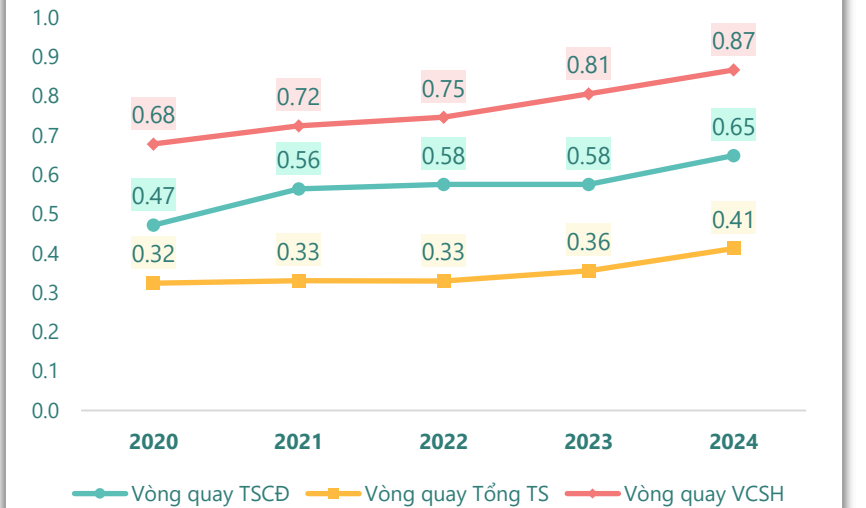
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



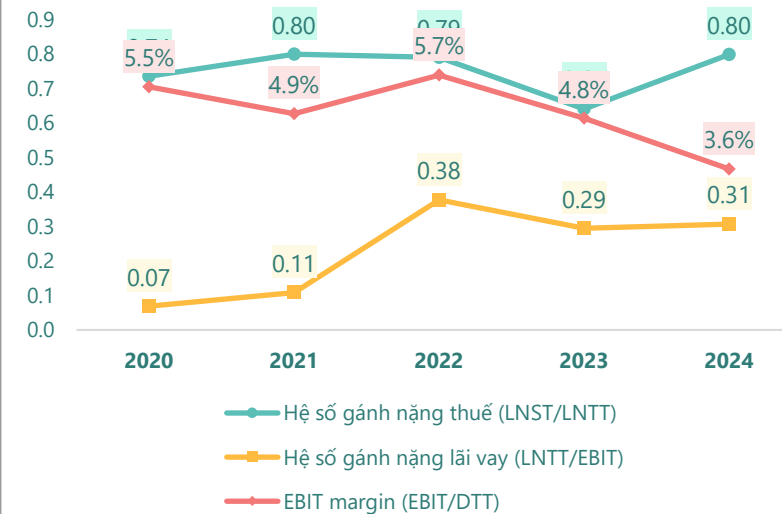
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



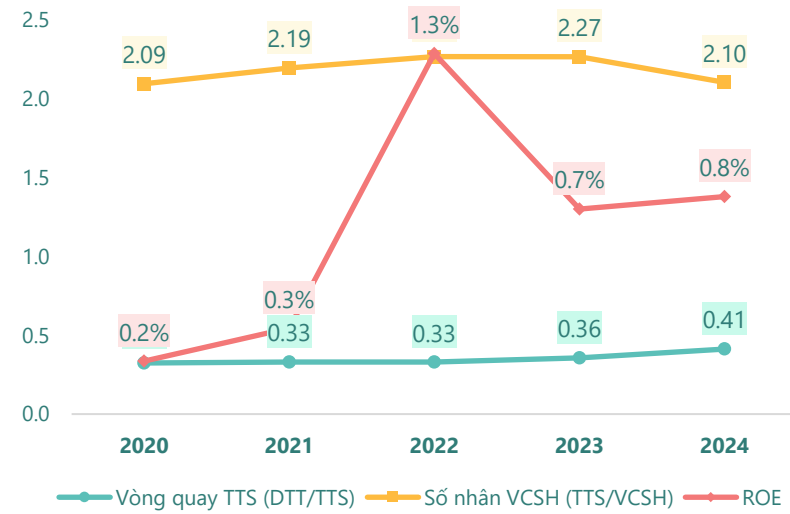
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



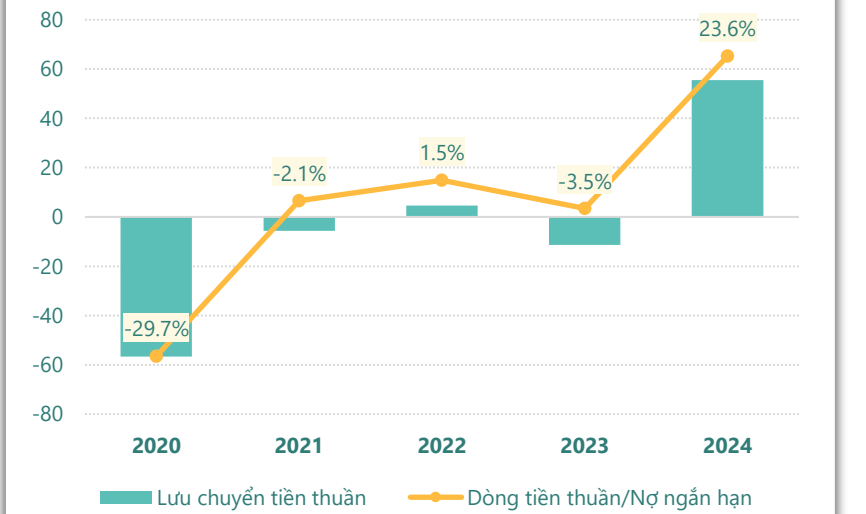
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	93.9	84.0	11.8%	174	156	11.1%
Giá vốn hàng bán	79.5	62.8	26.6%	143	113	26.2%
Lợi nhuận gộp	14.3	21.2	-32.3%	30.7	43.1	-28.7%
Doanh thu HĐTC	1.26	0.71	77.6%	1.36	0.92	48.5%
Chi phí TC	2.24	2.09	7.0%	3.84	4.34	-11.5%
Chi phí lãi vay	2.11	1.98	6.6%	3.71	4.23	-12.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.78	4.85	-22.1%	8.02	8.70	-7.7%
Chi phí QLDN	8.56	14.6	-41.4%	18.3	29.0	-36.9%
LN thuần từ HĐKD	1.04	0.31	234%	1.96	2.00	-2.4%
Lợi nhuận khác	-0.50	0.04	-1343%	-0.38	0.03	-1556%
LN trước thuế	0.54	0.35	53.8%	1.57	2.03	-22.5%
Lợi nhuận sau thuế	0.43	0.28	53.6%	1.26	1.63	-22.5%
LNST của CĐ cty mẹ	0.43	0.28	53.6%	1.26	1.63	-22.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-109	88.1	-32.5	36.2	71.6	-5.57
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	49.6	-23.3	23.6	0.24	-50.2	59.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.78	-8.56	-4.78	-8.56	-4.78	-8.60
Tiền đầu kỳ	131	66.6	47.6	109	137	154
Lưu chuyển tiền thuần	-64.4	56.3	-13.7	27.9	16.6	45.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	66.6	47.6	109	137	154	173

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	749	743	0.9%
Tài sản ngắn hạn	302	239	26.6%
Tiền và tương đương tiền	173	111	56.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.9	25.9	0.0%
Phải thu ngắn hạn	28.7	24.5	17.2%
Hàng tồn kho	72.5	72.8	-0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.80	4.45	-59.4%
Tài sản dài hạn	447	504	-11.3%
Phải thu dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản cố định	424	478	-11.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.89	6.29	-38.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.3	13.4	-0.9%
Tài sản dài hạn khác	5.12	5.39	-5.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	368	361	1.8%
Nợ ngắn hạn	255	235	8.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.6	26.7	-0.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	42.2	54.0	-22.0%
Nợ dài hạn	113	126	-10.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	113	126	-10.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	381	381	0.0%
Vốn chủ sở hữu	381	381	0.0%
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

